

BỘ CÔNG AN
Số: 19/2016/TT-BCA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 2 tháng 6 năm 2016

THÔNG TƯ

Quy định về huấn luyện, cấp, đổi, cấp lại giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ

Căn cứ Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 30 tháng 6 năm 2011 đã được sửa đổi, bổ sung theo Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 12 tháng 7 năm 2013 (sau đây viết gọn là Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ);

Căn cứ Nghị định số 25/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 04 năm 2012 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định số 76/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2014 quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định số 106/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2014 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về huấn luyện, cấp, đổi, cấp lại giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về nguyên tắc, thẩm quyền, hồ sơ, đối tượng cấp, đổi, cấp lại giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ; yêu cầu, tiêu

chuẩn, nội dung, thời gian, nơi huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ; chế độ thống kê, báo cáo và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Thông tư này không điều chỉnh đối với việc cấp, đổi, cấp lại giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ, huấn luyện cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được trang bị, quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ.
2. Cá nhân được giao sử dụng, bảo quản kho, nơi cất giữ vũ khí, công cụ hỗ trợ.
3. Công an các đơn vị, địa phương.
4. Sĩ quan, hạ sĩ quan (sau đây viết gọn là cán bộ) làm công tác huấn luyện, cấp, đổi, cấp lại giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ.
5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác huấn luyện, cấp, đổi, cấp lại giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ.

Điều 3. Nguyên tắc cấp, đổi, cấp lại giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ, huấn luyện quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ

1. Tuân thủ quy định của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Nghiêm cấm lợi dụng nhiệm vụ được giao để sách nhiễu, gây phiền hà, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 4. Yêu cầu, tiêu chuẩn của cán bộ huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ

1. Cán bộ được giao nhiệm vụ huấn luyện về lý thuyết phải có trình độ đại học Công an nhân dân trở lên thuộc chuyên ngành quản lý hành chính về trật tự xã hội, có kiến thức pháp luật, nghiệp vụ phù hợp với nội dung công tác huấn luyện. Trường hợp đào tạo chuyên ngành khác hoặc tốt nghiệp trường ngoài ngành Công an nhân dân thì phải được bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ quản lý hành chính về trật tự xã hội theo nội dung, chương trình của Tổng cục Cảnh sát.

2. Cán bộ được giao nhiệm vụ huấn luyện thực hành về kỹ năng sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ, cách quản lý, bảo quản, bảo dưỡng vũ khí, công cụ hỗ trợ phải có giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ phù hợp với nội dung công tác huấn luyện.

Điều 5. Biểu mẫu giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ

1. Ban hành biểu mẫu giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ, bao gồm:

- a) Giấy chứng nhận sử dụng vũ khí quân dụng (ký hiệu CN1);
- b) Giấy chứng nhận sử dụng vũ khí thể thao (ký hiệu CN2);
- c) Giấy chứng nhận sử dụng vũ khí thô sơ (ký hiệu CN3);
- d) Giấy chứng nhận sử dụng công cụ hỗ trợ (ký hiệu CN4);
- đ) Chứng chỉ quản lý vũ khí (ký hiệu CC1);
- e) Chứng chỉ quản lý công cụ hỗ trợ (ký hiệu CC2).

2. Kích thước, chất liệu, màu sắc biểu mẫu

- a) Biểu mẫu CN1, CN2, CN3, CN4 có kích thước 14cm x 10cm; biểu mẫu CC1, CC2 có kích thước 19cm x 13cm;
- b) Các biểu mẫu quy định tại Khoản 1 Điều này được làm bằng chất liệu giấy trắng; mặt trước nền màu đỏ, ở giữa có hình Công an hiệu; mặt sau nền màu xanh nhạt và có hoa văn; sử dụng kỹ thuật chống làm giả.

Điều 6. In, phát hành, quản lý và sử dụng biểu mẫu giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ

- 1. Tổng cục Cảnh sát tổ chức in, phát hành các biểu mẫu quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư này.
- 2. Việc quản lý và sử dụng các biểu mẫu được thực hiện theo chế độ hồ sơ nghiệp vụ Cảnh sát.
- 3. Kinh phí in biểu mẫu được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ Công an. Hàng năm, Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh lập dự trù số lượng biểu mẫu cần in để sử dụng gửi về Tổng cục

Cảnh sát (qua Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội). Tổng cục Cảnh sát có trách nhiệm tổng hợp số lượng biểu mẫu cần in và dự trù kinh phí in biểu mẫu gửi Cục Tài chính Bộ Công an tổng hợp, lập dự trù kinh phí trình lãnh đạo Bộ Công an xem xét, quyết định.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 7. Đối tượng huấn luyện, cấp, đổi, cấp lại giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ

1. Cá nhân được giao sử dụng vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao, vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ được huấn luyện, cấp, đổi, cấp lại giấy chứng nhận sử dụng vũ khí phải bảo đảm các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và các tiêu chuẩn sau:

- a) Là công dân Việt Nam;
- b) Đủ 18 tuổi trở lên;
- c) Có lý lịch rõ ràng, không có tiền án, tiền sự;
- d) Đang làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được trang bị, quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ.

2. Cá nhân được giao bảo quản kho, nơi cất giữ vũ khí, công cụ hỗ trợ được huấn luyện, cấp, đổi, cấp lại chứng chỉ quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ phải bảo đảm các tiêu chuẩn sau:

- a) Có phẩm chất, đạo đức tốt;
- b) Có sức khỏe phù hợp;
- c) Bảo đảm các tiêu chuẩn theo quy định tại các điểm a, b, c và d Khoản 1 Điều này.

3. Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân đã qua đào tạo tại các trường Công an nhân dân không phải cấp giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ. Trường hợp cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân được tuyển dụng từ ngành ngoài thì thực hiện như đối tượng quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

4. Đối với cá nhân đã được công nhận là huấn luyện viên, vận động viên thành tích cao trong thi đấu các môn có sử dụng vũ khí thể thao được miễn huấn luyện về lý

thuyết, thực hành và chỉ tham gia kiểm tra để được cấp giấy chứng nhận sử dụng vũ khí thể thao theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

Điều 8. Thẩm quyền huấn luyện, cấp, đổi, cấp lại giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ

1. Các đơn vị sau có thẩm quyền huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ:

- a) Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Tổng cục Cảnh sát;
- b) Cục Quản lý trang bị kỹ thuật và trang cấp thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật;
- c) Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết gọn là Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh);
- d) Các học viện, trường Công an nhân dân, Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an nhân dân.

2. Thẩm quyền cấp, đổi, cấp lại giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ

- a) Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Tổng cục Cảnh sát có thẩm quyền cấp, đổi, cấp lại giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ cho cá nhân thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị của Bộ, ngành ở Trung ương và doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bảo vệ được phép đào tạo nhân viên bảo vệ;
- b) Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh có thẩm quyền cấp, đổi, cấp lại giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ cho cá nhân thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương.

Điều 9. Hồ sơ đề nghị huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được trang bị, quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ nộp 01 bộ hồ sơ về đơn vị quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư này để đề nghị huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ cho cá nhân thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý; hồ sơ gồm:

- a) Công văn đề nghị;